

Bản án số: 55/2019/HS - ST

Ngày: 29 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Ông Nguyễn Thế Hanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Núi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại nhà trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/HSST ngày 30/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HS ngày 15/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Tiêu Thị N; vợ là Vương Thị V (tên gọi khác V), 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ từ ngày 16/5/2019 đến ngày 21/5/2019, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 21/5/2019 đến nay, có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Q, xã V1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N1 và bà Trần Thị N2; vợ là Nguyễn Thị H2 và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 13/6/2000, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Ngày 20/5/2002, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt 12 tháng tù về

tội trộm cắp tài sản; Ngày 18/01/2000, Công an huyện Thanh Hà xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi mua bán tài sản do vi phạm pháp luật mà có; Ngày 22/3/2002, Công an huyện Thanh Hà xử phạt vi phạm hành chính 500.0000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị tạm giữ từ ngày 01/3/2019, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/3/2019 đến nay, có mặt.

3. Trần Văn Đ, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T1, xã TN, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th1 và bà Phạm Thị H3; vợ Nguyễn Thị Th2 và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ từ ngày 19/5/2019 đến ngày 25/5/2019, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 25/5/2019 đến nay, có mặt.

4. Phạm Văn S, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T1, xã TN, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân L1 và bà Phạm Thị M; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

5. Tạ Thị Thanh H, sinh năm 1984 tại xã X, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B1, xã Đ2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình D và bà Đặng Thị L2; chồng Nguyễn Văn T2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

+ *Bị hại:* Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn B1, xã Đ2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, có mặt;

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm y tế huyện TH, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, Giám đốc, có mặt;

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn TL, xã Đ2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Văn S2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B1, xã Đ2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. Anh Phạm Văn L3, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T1, xã TN, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

4. Anh Lê Văn T5, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn V1, xã C2, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2018, anh Phạm Văn T3 đến quán hồ trợ tài chính của Phạm Văn S và Nguyễn Xuân T đặt tại xã H4, huyện Thanh Hà (không có đăng ký kinh doanh) vay 30 triệu đồng với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/ngày. Đến thời hạn thanh toán, anh T3 chưa có tiền trả. S, T đã nhiều lần gọi điện và tìm anh T3 để đòi nợ nhưng không được. T, S đã nhờ anh Nguyễn Văn S1 cùng thôn với anh T3 nếu thấy anh T3 thì thông báo cho T, S biết để đòi nợ.

Khoảng 9 giờ 15 phút, ngày 01/3/2019, anh Nguyễn Văn S1 biết anh T3 đang ở Trung tâm y tế huyện TH nên đã gọi điện cho T. Sau khi trao đổi lại với S về việc T3 đang ở Trung tâm y tế huyện TH. T gọi điện cho Trần Văn Đ và Phạm Văn B (là chủ quán hồ trợ tài chính đặt tại khu 1 thị trấn TH) nhờ Đ, B đến Trung tâm y tế huyện TH giữ anh T3 lại đợi T, S đến để đòi nợ. Đ đi xe mô tô chở B đến Trung tâm y tế huyện rồi cùng B đi tìm anh T3. Đ lên tầng 2 khoa khám bệnh gặp anh T3 dùng tay túm vào thắt lưng anh T3 gọi cho B đến. Đ dùng tay nắm, B dùng tay tát anh T3 mấy cái và lôi, kéo anh T3 ra khu vực cổng Trung tâm y tế. Anh T3 không đồng ý kêu mọi người giúp bảo B, Đ cho gọi điện thoại để người nhà đem tiền đến trả. Lợi dụng lúc B, Đ bỏ tay ra, anh T3 bỏ chạy nhưng bị giữ lại và bị lôi, kéo ra cổng Trung tâm y tế sang quán nước bên đường. Cùng lúc đó, T và S đi xe ô tô đến. B và T bảo anh T3 đi về quán của B để nói chuyện nhưng anh T3 vẫn xin ở lại để gọi người nhà đem tiền đến trả. T, B, Đ, S không đồng ý, nên anh T3 đã lên ô tô đi về quán của B. Tại quán của B, B hỏi T, S về số nợ gốc và lãi của anh T3. T không nhớ. S nói là nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi 20.200.000 đồng. T nói với B chỉ lấy tiền gốc (vì tiền lãi còn phải xem sổ nợ). B quay sang hỏi T3 “Tiền nong bây giờ như thế nào”. Anh T3 nói đã điện cho chủ tàu cá tên là T4 (T3 đang làm thuê cho anh T4) vay, ứng được khoảng 20.000.000 đồng. B nói không đủ trả tiền gốc và dùng tay tát anh T3 3 cái. Anh T3 tiếp tục gọi cho anh T4 chủ tàu thì anh T4 nói chỉ cho ứng 15.000.000 đồng và đang chờ người đem xuống. B bảo T3 không đủ trả gốc. Anh T3 nói còn chiếc xe đem cầm để trả nợ. Anh T3 gọi cho anh Hoàng Văn N5 nhờ đem giấy tờ xe đến.

Trong lúc B, Đ, T, S ngồi chờ người của anh T3 đem tiền đến thì Tạ Thị Thanh H (bạn của B) ngồi uống cà phê ở quán đối diện cũng đi sang quán của B đòi anh T3 9.000.000 đồng (tiền anh T3 mua bảo hiểm chưa trả). Anh T3 nói chỉ có đủ tiền trả B, Đ, S, T.

H nghe anh T3 nói vậy đã nhờ bọn Ba đòi hộ và bảo B ưu tiên cho H lấy trước. B nhất trí. Do chờ lâu không thấy người mang tiền đến. B đã chửi và lấy 01 chiếc giày da màu nâu đánh vào má anh T3 3 cái yêu cầu anh T3 tiếp tục gọi điện

cho người nhà đem tiền xuống. Sau khi chứng kiến B đánh anh T3 nhằm mục đích lấy tiền, H bỏ ra ngoài. Một lúc sau anh N5 đem giấy tờ xe đến. B bảo Đ cùng anh N5 đến Trung tâm y tế lấy xe về để B nhận cầm cố chiếc xe của anh T3 với số tiền 15.000.000 đồng và yêu cầu anh T3 viết giấy mượn tiền để lại xe. Sau khi T3 viết giấy xong, thì ông T4 (chủ tàu cát mà anh T3 đang làm thuê) cử người đi tắc xi đến đưa cho anh T3 15.000.000 đồng. Cùng lúc này, H quay vào quán của B, B yêu cầu T3 đưa cho H 9.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng để ở trên bàn. Khi H lấy tiền xong đi ra ngoài thì bị lực lượng cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương bắt giữ, cùng toàn bộ vật chứng có liên quan.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 27/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố Phạm Văn B, Nguyễn Xuân T, Trần Văn Đ, Phạm Văn S và Tạ Thị Thanh H về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, cho rằng đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại 10.000.000 đồng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại xác nhận đã nhận được 10.000.000 đồng bồi thường của gia đình bị cáo T, B, S, Đ, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Trung tâm y tế huyện TH xác nhận không có thiệt hại, không yêu cầu nhận lại USB đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, đề nghị tịch thu cho tiêu hủy.

Đại diện Viện kiểm sát phân tích chứng cứ tại hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Xuân T, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Tạ Thị Thanh H phạm tội “ Cướp tài sản”

+ Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 42 - 45 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 01/3/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 39 - 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 16/5/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 39 - 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 19/5/2019.

Xử phạt Phạm Văn S 36 - 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 08/3/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tạ Thị Thanh H từ 36 - 39 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 23/8/2019.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng;
+ Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết;
+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho anh Phạm Văn T3 15.000.000 đồng;

Trả lại bị cáo B 01 thiết bị lưu hình ảnh màu đen có ghi HIKVISION; 01 đôi giày Thượng Đình loại có dây buộc màu trắng có số 43, 01 điện thoại Galaxy J4 kèm sim.

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon6 màu hồng kèm sim.

Trả lại cho bị cáo S 01 kết sắt nhãn hiệu Good bank và 1.600.000 đồng.

Tịch thu của bị cáo B 01 đôi dây da màu nâu không dây mặt trên lót giấy có chữ Pashion, của Trung tâm y tế huyện Thanh Hà 01 USB cho tiêu hủy.

+ Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật án phí và lệ phí 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các bản cung trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai những người bị hại về thời gian, địa điểm, loại tài sản các bị cáo chiếm đoạt, cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 15 phút đến 11 giờ 30 phút, ngày 01/3/2019 tại Trung tâm y tế huyện TH, Phạm Văn B, Phạm Văn S, Nguyễn Xuân T, Trần Văn Đ đã có hành vi ép buộc anh T3 về quán của B tại khu I, thị trấn TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nhằm mục đích đòi tiền nợ. Sau đó B, S, T, Đ và Tạ Thị Thanh H đã có hành vi đe dọa, dùng tay và giấy da đánh vào mặt anh Phạm Văn T3 buộc anh T3 phải đưa trả số tiền 39.000.000 đồng (*Trong đó có 9.000.000 đồng H nhờ nhóm của B đòi*

hộ, 15.000.000 đồng tiền mặt + 15.000.000 đồng tiền anh T3 cầm cố xe máy để trả cho nhóm của B).

Mặc dù, chỉ có bị cáo Phạm Văn B có hành vi dùng vũ lực để buộc anh Phạm Văn T3 trả 39.000.000 đồng. Tuy nhiên, Nguyễn Xuân T là người nhờ B, Đ ra Trung tâm y tế huyện giữ anh T3 lại để đòi nợ. Việc bị cáo B, Đ dùng vũ lực với anh T3 ở Trung tâm y tế huyện TH bị cáo T, bị cáo S đều biết. Tại quán của bị cáo B, các bị cáo T, Đ, S, H chứng kiến việc bị cáo B đánh anh T3, các bị cáo đều biết nhưng các bị cáo không có ý kiến gì, để mặc cho bị cáo B muốn làm gì thì làm cốt sao đòi được nợ. Điều đó chứng tỏ các bị cáo đã tiếp nhận ý chí của nhau trong việc dùng vũ lực đối với người bị hại để người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi cá nhân, có dự mưu từ trước, đủ yếu tố cấu thành tội: "*Cướp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây thiệt hại về sức khỏe và tài sản của người bị hại mà còn thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân cần có mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Đánh giá vai trò của các bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo T là người đề xuất việc thực hiện tội phạm, đồng thời là người nhờ B và Đ buộc anh T3 phải trả tiền. Còn bị cáo B là người trực tiếp dùng vũ lực đối với người bị hại, trực tiếp thúc dục, ép buộc người bị hại giao tiền, viết giấy vay tiền, quyết định thanh toán số tiền chiếm đoạt được thay bị cáo T. Vì vậy, bị cáo T và B giữ vai trò ngang nhau và cùng giữ vị trí thứ nhất trong vụ án. Đối với bị cáo Đ và S là những người thực hành theo ý kiến chỉ đạo của T nên Đ và S giữ vai trò thứ hai. Bị cáo Tạ Thị Thanh H không tham gia vụ án ngay từ đầu, đồng thời số tiền bị cáo có ý thức chiếm đoạt chỉ có 9.000.000 đồng ít hơn các bị cáo khác nên giữ vị trí cuối cùng trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo B có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo T, S, B, Đ còn tác động gia đình tự nguyện bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại 10.000.000 đồng, các bị cáo được hưởng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo S có bố đẻ là thương binh. Bị cáo T, bị cáo Đ sau thời gian bỏ trốn đã chủ động ra đầu thú. Ba bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất hành vi, điều kiện kinh tế cũng như nhân thân các bị cáo không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Số tiền 15.000.000 đồng là của anh T3 cần trả lại cho anh T3.

+ Đối với 01 điện thoại di động sam sung GlaxyJ4 màu đen kèm sim, 01 đôi giày Thượng Đình loại có giày buộc màu trắng cỡ số 43 đã qua sử dụng, 01 thiết bị lưu hình ảnh màu đen ghi chữ HIKVISON của bị cáo B, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu hồng của bị cáo H, 01 kết sắt nhãn hiệu Good bank và 1.600.000 đồng của bị cáo S không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với đôi dây da màu nâu là công cụ bị cáo B dùng vào việc phạm tội, 01 chiếc USB của Trung tâm y tế huyện TH không còn giá trị sử dụng, Trung tâm không có yêu cầu nhận lại cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với chiếc xe ô tô, bị cáo T mượn của anh Phạm Văn T ở C, Thanh Hà chở anh T3 về quán của B và chiếc xe mô tô bị cáo Đ sử dụng chở bị cáo Bra Trung tâm y tế huyện TH không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

+ Đối với số giấy tờ thu được tại nhà Nguyễn Xuân T và tại quán của S, T ở xã H4, huyện Thanh Hà. Quá trình xác minh không xác định có việc cho vay lãi suất cao để thu lợi nên chưa có căn cứ để xử lý

[10] Về án phí: Các bị cáo phạm tội phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

[11] Nguyễn Văn S2, Nguyễn Văn S1 là người thông tin về việc anh T3 đang có mặt ở Trung tâm y tế huyện TH nhưng không biết việc B cùng đồng bọn dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của anh T3 nên không có căn cứ xử lý;

Phạm Văn L3 và Lê Văn T5 đi cùng xe ô tô với T và S lên thị trấn Thanh Hà mục đích mượn xe ô tô để đi đám ma không tham gia vào quá trình thực hiện tội phạm, nên không bị xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Quá trình điều tra anh Phạm Văn T3 còn tố cáo: Ngày 02/2/2019 bị một số người có hành vi gây thương tích tại quán của T, S ở xã H4, huyện Thanh Hà nhưng anh T3 thay đổi lời khai xác định không bị đánh và không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn B, Nguyễn Xuân T, Trần Văn Đ, Phạm Văn S, Tạ Thị Thanh H phạm tội “Cướp tài sản”

2. Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 01/3/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 16/5/2019.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 19/5/2019.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 08/3/2019.

- Xử phạt bị cáo Tạ Thị Thanh H 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 23/8/2019.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Phạm Văn T3 15.000.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo B 01 thiết bị lưu hình ảnh màu đen ghi chữ HIKVISION và 01 đôi giày Thượng Đình; 01 điện thoại di động sam sung GalaxyJ4 kèm sim.

Trả lại cho bị cáo S 01 két sắt nhãn hiệu Good bank và 1.600.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone 6 plus màu hồng đã qua sử dụng;

Tịch thu cho tiêu hủy 01 đôi dây da màu nâu không dây mặt trên lót giấy có chữ Pashion; 01 USB.

(T3 bộ vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà với Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo ;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Mạc Duy Phú